

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2024/DS-PT

Ngày: 05/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang, ông Nguyễn Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/9/2024, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2024/TLPT-DS ngày 11/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 177/2024/QĐ-PT ngày 31/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2024/QĐ-PT ngày 16/8/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024 –vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1991 (có mặt)

Chị Hà Thị Thu H1, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Đặng Thị T1**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: **Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970 (văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024 –vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố **số B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang**

* *Người kháng cáo:* Anh **Trần Văn P**- sinh năm 1991 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2023, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Gia đình ông **T**, bà **T1** buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc. Từ năm 2015 đến năm 2017, vợ chồng anh **P** có đến cửa hàng gia đình ông **T**, bà **T1** để mua thức ăn chăn nuôi, mua nhiều lần, có lần thanh toán trả ngay, có lần thì chịu, các mua chịu thức ăn chăn nuôi thì ông **T**, bà **T1** đều ghi sổ sách theo dõi, anh **P** có ký nhận. Đến ngày 29/9/2017 vợ chồng ông **T**, bà **T1** và anh **P** chốt nợ với nhau thì anh **P** còn nợ vợ chồng ông **T**, bà **T1** số tiền 161.355.000đồng. Sau đó, vợ chồng ông **T**, bà **T1** đã nhiều lần đòi vợ chồng anh **P** tiền nợ cám nhưng đến nay vợ chồng anh **P** vẫn chưa trả cho gia đình ông **T**. Nay vợ chồng ông **T**, bà **T1** yêu cầu anh **P** và vợ là chị **H1** thanh toán trả số tiền 161.355.000 đồng; yêu cầu trả tiền lãi 10%/năm từ ngày chốt nợ 29/9/2017 đến ngày xét xử tính tròn là 80 tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định vợ chồng anh **P** còn nợ tiền cám là 132.355.000đồng nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc vợ chồng anh **P** - chị **H1** phải trả số tiền còn nợ mua cám là 132.355.000đồng, yêu cầu trả tiền lãi của số tiền còn nợ 132.355.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm từ ngày chốt nợ 29/9/2017 đến ngày xét xử tính tròn là 80 tháng, tính tròn = 88.236.000 đồng.

*Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh **Trần Văn P** trình bày:*

Vợ chồng anh và gia đình ông **T**, bà **T1** có mối quan hệ quen biết. Gia đình ông **T**, bà **T1** bán thức ăn chăn nuôi. Từ năm 2015, gia đình anh có nhiều lần mua cám của gia đình ông **T**, bà **T1** về để chăn nuôi, có lần thanh toán, có lần chưa thanh toán. Đến ngày 29/9/2017 thì anh với ông **T**, bà **T1** có chốt nợ với nhau,

anh còn nợ ông T, bà T1 số tiền 132.355.000đồng. Chữ ký trong biên bản xác nhận nợ do nguyên đơn ông T cung cấp là đúng chữ ký của anh. Ông T, bà T1 đã nhiều lần đòi tiền nợ cám nhưng vợ chồng anh chưa trả được. Ông T khởi kiện đòi vợ chồng anh số tiền 161.355.000 đồng thì anh không đồng ý. Anh xác định chỉ còn nợ 132.355.000 đồng và đồng ý trả nhưng đề nghị xin được trả dần do chăn nuôi thua lỗ, lợn bị dịch chết, kinh tế hiện tại gia đình khó khăn. Anh không đồng ý trả tiền lãi vì khi mua cám không thỏa thuận với nhau về tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn 10%/năm từ ngày chốt nợ 29/9/2017 đến ngày xét xử tính tròn là 80 tháng, tính tròn = 88.236.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn chị Hà Thị Thu H1 trình bày:

Chị là vợ của anh Trần Văn P, chị thừa nhận vợ chồng chị có mua thức ăn chăn nuôi của ông T, bà T1 là đúng và tính đến ngày 29/9/2017 thì anh P chồng chị với ông T, bà T1 có chốt nợ với nhau, vợ chồng chị còn nợ ông T, bà T1 số tiền 132.355.000đồng. Nay ông T, bà T1 yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 161.355.000đồng là không đúng, chị xác định vợ chồng chỉ còn nợ 132.355.000đồng và đồng ý trả số tiền còn nợ 132.355.000 đồng, nhưng chị xin được trả dần.

Về tiền lãi: Chị không đồng ý trả lãi do khi mua bán cám không có thỏa thuận về lãi.

Với nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc anh Trần Văn P và chị Hà Thị Thu H1 có trách nhiệm liên đới trả ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị T1 tổng số tiền 220.591.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu, năm trăm chín mươi một nghìn đồng) trong đó nợ gốc 132.355.000 đồng; nợ lãi 88.236.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu vợ chồng anh P, chị H1 trả số tiền nợ cám 29.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của

các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2024 anh **Trần Văn P** nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo không đồng ý về phần lãi suất do trong hợp đồng không thỏa thuận về việc trả lãi, anh **P** không vi phạm về nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

*Bị đơn- anh **Trần Văn P** trình bày:*

- Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không buộc vợ chồng anh phải trả tiền lãi của số tiền mua cám còn nợ là 132.355.000đồng. Lý do: Bản án sơ thẩm xác định vợ chồng anh vi phạm nghĩa vụ trả nợ là không đúng vì trong biên bản chốt nợ không thể hiện thời hạn trả, lãi suất.

- Xác nhận còn nợ ông **T**, bà **T1** tiền mua cám còn nợ theo biên bản chốt nợ ngày 29/9/2017 là 132.355.000đồng, không có ý kiến gì về số tiền này.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị **Hà Thị Thu H1** trình bày:*

- Xác nhận còn nợ ông **T**, bà **T1** tiền mua cám còn nợ theo biên bản chốt nợ ngày 29/9/2017 là 132.355.000đồng, không có ý kiến gì về số tiền này.

- Trong biên bản chốt nợ không thể hiện thời hạn trả, lãi suất, vợ chồng không vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh **Trần Văn P**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân **huyện H, tỉnh Bắc Giang**.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh **Trần Văn P** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh **Trần Văn P** làm trong thời hạn, theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên là đơn kháng cáo hợp lệ. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh **Trần Văn P**:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, anh **Trần Văn P** – chị **Hà Thị Thu H1** đều thừa nhận còn nợ ông **T** - bà **T1** 132.355.000đồng tiền mua cám theo biên bản chốt nợ ngày 29/9/2017. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông **T** buộc anh **Trần Văn P** và chị **Hà Thị Thu H1** phải trả số tiền 132.355.000đồng là tiền mua cám còn nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 Bộ luật dân sự.

Số tiền 132.355.000đồng anh **P** chị **H1** có nghĩa vụ trả ông **T** bà **T1** là tiền mua cám còn nợ theo biên bản chốt nợ ngày 29/8/2017. Mặc dù, trong các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không thể hiện hai bên có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả. Tuy nhiên, tại khoản 2, khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 có quy định:

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.

Anh **P** - chị **H1** đều thừa nhận sau khi chốt nợ ngày 29/9/2017, ông **T** bà **T1** đã nhiều lần đến yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng chưa trả được do làm ăn kinh tế khó khăn, chăn nuôi thua lỗ. Như vậy, anh **P** chị **H1** đã tiếp tục vi phạm nghĩa vụ kể từ ngày hai bên chốt nợ 29/9/2017. Do đó, ông **T** yêu cầu anh **P** và chị **H1** phải trả số tiền lãi 10%/ năm, của số tiền 132.355.000 đồng tính từ ngày chốt nợ ngày 29/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Tòa sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **T**, bà **T1** buộc anh **P** chị **H1** có nghĩa vụ trả số nợ mua cám còn nợ là 132.355.000đồng; nợ lãi là 88.236.000đồng là có căn cứ theo Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015. Tại cấp phúc thẩm, anh **P**, chị **H1** không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác. Hội đồng xét xử phúc thẩm không

có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh **Trần Văn P**, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh **Trần Văn P** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các quyết định khác mà không có kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh **Trần Văn P**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh **Trần Văn P** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003991 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh **Trần Văn P** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện

